TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 614/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 11/5/2018
V/v tranh chấp: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hải.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Văn Khanh;
2. Bà Võ Phương Trang.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lưu Thị Ngọc Ánh, là Thư ký Tòa án nhân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân *tham gia phiên tòa*: Ông Bạch Ngọc Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1239/2017/TLST– HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp "ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2018/QĐXXST ngày 04 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bạch T**,** sinh năm 1977 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số 89/24, đường số 14, KP12, phường A, quận B, Thành phố H.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn C, sinh năm 1972 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 89/24, đường số 14, KP12, phường A, quận B, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà T trình bày: Bà với ông C quen biết nhau, sau thời gian tìm hiểu và được gia đình hai bên tổ chức hôn lễ, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại xã Phổ Phong, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, theo giấy chứng nhận kết hôn số 131 quyển sổ 01 ngày 22/11/2002. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng về sau giữa vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm sống, thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn, hay cự cãi nhau mà nguyên nhân chủ yếu do ông C không lo cho gia đình, nhậu say về đánh vợ và hiện nay vợ chồng cũng đã ly thân với nhau, bà T cho rằng không còn tình cảm với ông C nữa, do đó bà yêu cầu được ly hôn với ông C.

Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Phương Q, sinh ngày 09/02/2001 và Nguyễn Hồng Ngọc A, sinh ngày 17/3/2005; Ly hôn bà T yêu cầu nuôi cháu Ánh, ông C nuôi cháu Quỳnh; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà T trình bày vợ chồng tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Bà T trình bày vợ chồng không có.

* Bị đơn Ông Nguyễn C không có mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nên không có ý kiến gì trong việc giải quyết vụ án.

** Tại phiên tòa*:

- Bà T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.
- Ông C vắng mặt tại phiên tòa.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử thực hiện đúng theo quy định tại điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự; Tư cách của người tham gia tố tụng tuân thủ theo đúng quy định của Điều 70, 71, 72, 73, 234 Bộ luật tố tụng dân sự; Thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông C; Giao cho bà T nuôi cháu Ánh, ông C nuôi cháu Quỳnh; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về thủ tục tố tụng:*

[1] - Nguyên đơn bà T có đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn ông C. Bị đơn hiện cư trú tại quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh, nên căn cứ Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

[2] - Nguyên đơn bà T có đơn xin giải quyết vắng mặt và bị đơn ông C được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 khoản 3, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

** Về nội dung vụ án:*

[3] - Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông C chung sống vợ chồng với nhau, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, hay cự cãi nhau mà nguyên nhân chủ yếu do ông C không lo cho gia đình vợ con, hiện nay vợ chồng cũng đã ly thân với nhau, hơn nữa theo kết quả xác minh Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa A cũng đã xác định vợ chồng ông C và bà T có mâu thuẫn, nhiều lần Ban vận động và tổ bảo vệ dân phố đến can thiệp và hòa giải; Ngoài ra Tòa án đã triệu tập hợp lệ và cũng thông báo cho ông C biết yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông, nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do, nên không đưa ra được một biện pháp cụ thể nào để hàn gắn lại mối quan hệ vợ chồng, việc ông C không đến dự phiên toà là mặc nhiên từ bỏ cơ hội để vợ chồng đoàn tụ với nhau. Do đó, xét thấy mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng của bà T và ông C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Hội đồng xét xử, chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông C là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] - Về con chung: Bà T và ông C có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Phương Q, sinh ngày 09/02/2001 và Nguyễn Hồng Ngọc A, sinh ngày 17/3/2005; Ly hôn bà T yêu cầu nuôi cháu Ánh, ông C nuôi cháu Quỳnh, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung; Ông C không có mặt tại phiên tòa, nên không đưa ra yêu cầu gì về con chung. Do đó giao con chung tên Nguyễn Hồng Ngọc A cho bà T trực tiếp nuôi và giao con chung tên Nguyễn Ngọc Phương Q ông C trực tiếp nuôi, ngoài ra bà T và ông C không ai phải cấp

dưỡng nuôi con chung, là phù hợp với nguyện vọng của 02 con chung và theo quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] - Về tài sản chung: Bà T và ông C tự thỏa thuận, nếu sau này có yêu cầu thì được giải quyết bằng một vụ án khác.

[6] - Về nợ chung: Bà T và ông C trình bày vợ chồng không có.

[7] - Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bạch T phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm.

[8] - *Phát biểu của Kiểm sát viên:* Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông C và giao cho bà T nuôi cháu Ánh, ông C nuôi cháu Quỳnh, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung; Việc đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp và đúng với quy định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 35, Điều 39 và điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 khoản 3, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho Bà Nguyễn Thị Bạch T được ly hôn với Ông Nguyễn C;

Giấy chứng nhận kết hôn số 131 quyển sổ 01 ngày 22/11/2002 tại xã Phổ Phong, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi cấp, không còn giá trị.

- Áp dụng Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hồng Ngọc A cho Bà Nguyễn Thị Bạch T trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung tên Nguyễn Ngọc Phương Q cho Ông Nguyễn C trực tiếp nuôi dưỡng; Bà T và ông C không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung;

Bà T và ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở quyền này, vì quyền lợi ích của con theo yêu cầu của bà T và ông C hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo luật định.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bạch T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 01089 ngày 03/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh, nên xem như xong.

- Căn cứ Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Bạch T và Ông Nguyễn C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Bình Tân;
- Chi cục THA.DS Q.Bình Tân;
- UBND nơi cấp giấy chứng nhận ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Phạm Việt Hải